TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 658/2024/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 22 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 542/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Bà Trần Thị D, sinh năm 1996

ĐKTT : xóm T, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: đường T, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Đinh Văn T, sinh năm 1996

ĐKTT : thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: đường T, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 26/02/2020 thì bà Trần Thị D và ông Đinh Văn T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị D và ông Đinh Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, gia đình tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 2020. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu cũng hạnh phúc tuy nhiên thời gian về sau thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hoà hợp. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, quan niệm sống khác nhau không thể giải quyết. Nay nhận thấy cuộc sống

chung không còn ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà cùng đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận ly hôn của ông bà, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà D và ông T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Bảo A, sinh ngày 22/01/2021. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đinh Văn T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9/2024 đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện. Xét thỏa thuận về nuôi con của bà D và ông T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Trần Thị D và ông Đinh Văn T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị D và ông Đinh Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Đinh Bảo A, sinh ngày 22/01/2021 cho bà Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đinh Văn T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2024 đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị D đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên cho đến khi thi hành án xong, ông Đinh Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Trần Thị D và ông Đinh Văn T nộp, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002186 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- UBND xã B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Ngọc Tâm